

Số: 57/BC – CT2

Đồng Nai, ngày 19 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện Chương trình Đào tạo Sau đại học
Năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ năm 2015

Thường trực Ban chủ nhiệm Chương trình 2 - Chương trình Đào tạo Sau đại học xin báo cáo nội dung thực hiện đào tạo sau Đại học trong năm 2014 theo Đề án Phát triển nguồn nhân lực của tỉnh giai đoạn 2011-2015 như sau:

PHẦN I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2014

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện năm 2014

Để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch 4154/KH-UBND, thường trực Ban chủ nhiệm chương trình đã thông báo xét tuyển hồ sơ trên các phương tiện thông tin đại chúng; tiếp nhận hồ sơ dự tuyển và lập Hội đồng xét duyệt hồ sơ; tuyển chọn các ứng viên đạt chuẩn, trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách ứng viên chính thức tham gia Chương trình Đào tạo Sau đại học.

Năm 2014 đã đã chọn cử 304 ứng viên trên 353 ứng viên đăng ký. Qua 4 năm thực hiện, đã chọn cử 1303 ứng viên (có 397 nữ) được tham gia chương trình, đạt 141 % so với kế hoạch cả giai đoạn. Trong đó, một số đối tượng đạt vượt cả giai đoạn 2011-2015 như:

- Đào tạo tiến sĩ đạt 335,7%;
- Đào tạo thạc sĩ đạt 160% (thạc sĩ trong nước đạt 165%, thạc sĩ liên kết đạt 133%, thạc sĩ nước ngoài đạt 60%).
- Hằng năm tổ chức họp mặt các học viên tham gia chương trình đào tạo sau đại học đã hoàn thành Chương trình để đánh giá hiệu quả công tác đào tạo và khen thưởng đối với các học viên có thành tích xuất sắc và giỏi trong quá trình học tập.

1.1 Thực hiện năm 2014 so với kế hoạch giai đoạn 2011-2015

Bậc học	Thực hiện năm 2014	Lũy kế 2011 – 2014	TH2011-2014/ KH2011-2015
- Thạc sĩ:	223	1006	160%
+ Trong nước	203	954	165%
+ Liên kết	15	40	133%
+ Nước ngoài	5	12	60%
- Tiến sĩ	38	94	335,7%
+ Trong nước	36	83	360%
+ Nước ngoài	2	11	220%
- Chuyên khoa 1	35	173	95%
- Chuyên khoa 2	6	23	32%
- Tạo nguồn	2	7	70%
Tổng số	304	1303	141,63%

Phân loại ngành

Ngành đào tạo	Tổng số	
	Số lượng	Cơ cấu (%)
Khoa học tự nhiên	262	20.11
Khoa học kỹ thuật	173	13.28
Khoa học giáo dục	348	26.71
Khoa học y dược	202	15.50
Khoa học nông nghiệp	55	4.22
Khoa học pháp lý	102	7.83
Khoa học XHNV	40	3.07
Kinh tế - Quản lý	100	7.67
Khoa học quân sự	21	1.61
Tổng số	1303	100

Qua số liệu trên cho thấy điểm nổi bật của Chương trình:

- Chương trình tập trung vào các ngành còn thiếu theo Kế hoạch số 4154/KH-UBND ngày 11/6/2012;

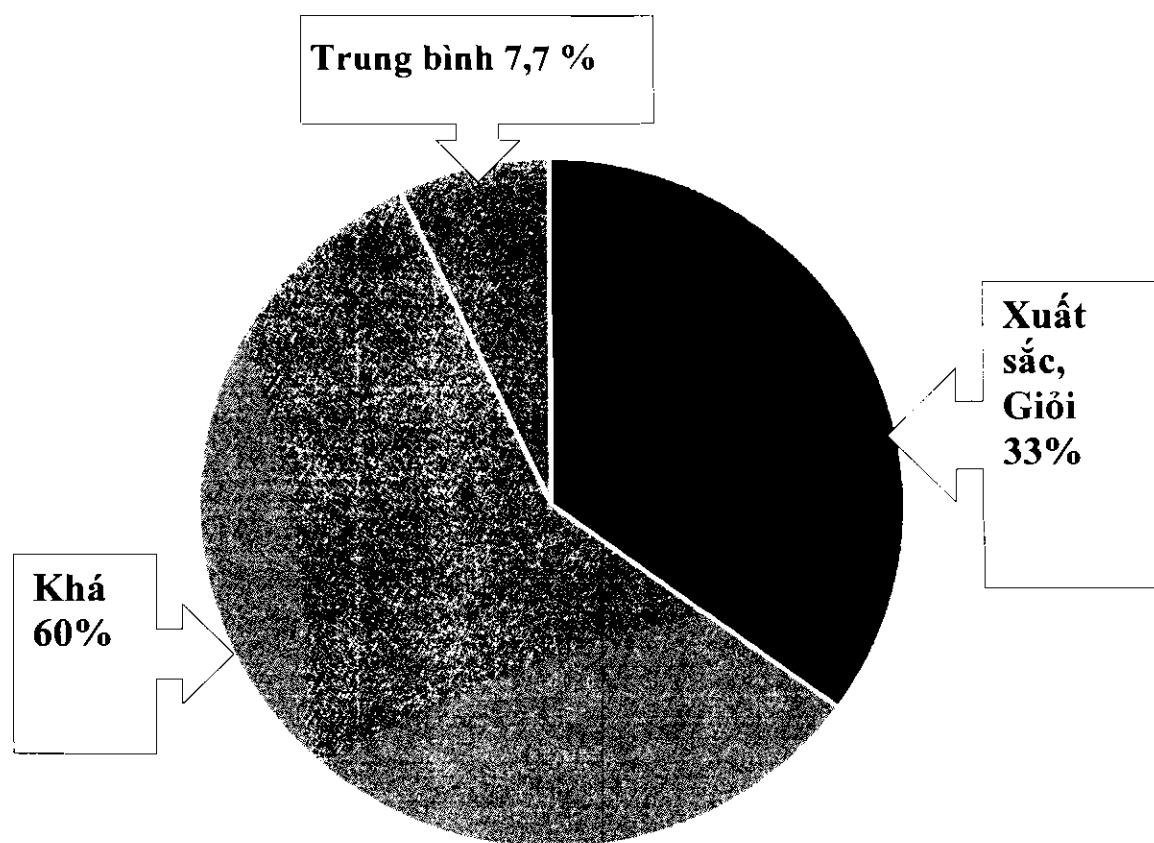
- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu 141,63% nhưng không vượt mức kế hoạch kinh phí (Kinh phí đạt 64% kế hoạch)

- Nguồn nhân lực chất lượng cao thể hiện:

+ Đào tạo tiến sĩ đạt 335%, trong đó đào tạo Tiến sĩ ở nước ngoài đạt 220% kế hoạch.

+ Đào tạo thạc sĩ nước ngoài đạt 260%;

+ Số học viên tốt nghiệp với chất lượng học tập cao. Tổng số học viên đã hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học năm 2014 là 252. Lũy kế đến thời điểm hiện nay là 696 (KHTN: 91; KHGD: 178; KHYD: 186; KHNN: 17; KHPL: 19; KHXHNV: 59; KT-QL: 54; KHKT: 92) học viên trong đó: giỏi, xuất sắc chiếm 33%, khá chiếm 60% và Trung bình chiếm 7%.



- Việc hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành, ở lĩnh vực mũi nhọn được thể hiện như sau:

+ Số học viên sau khi tốt nghiệp về công tác đều thể hiện được khả năng đáp ứng với công việc cao hơn, hiệu quả công việc tốt hơn. Số người hoàn thành

chương trình đào tạo có 230 người được bổ nhiệm và quy hoạch ở chức vụ cao hơn.

- Có học viên đã được công nhận thành viên Ban Giám khảo Giải thưởng CNTT - Châu Á Thái Bình Dương: Nguyễn Bá Ngọc Sơn.

- Có nhiều học viên đạt giải cao trong Hội thi sáng tạo kỹ thuật của tỉnh Đồng Nai năm 2011, 2012, 2013 và 2014.

- 12 học viên đã đảm nhận vai trò chủ nhiệm đề tài hoặc tham gia đề tài khoa học công nghệ trong lĩnh vực CNTT, Công nghệ sinh học (02 ngành nằm trong lĩnh vực ưu tiên đào tạo của tỉnh).

- Nghiên cứu sản xuất thành công cà phê chôn.

- Nhiều giống cây trồng mới đã được học viên Chương trình nghiên cứu thực nghiệm thành công.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Thuận lợi, ưu điểm

- Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Chủ nhiệm chương trình và Tổ thư ký.

- Được sự phối hợp của các ngành trong xét duyệt của ngành trước khi chuyển hồ sơ ứng viên về cho BCN Chương trình.

- Số lượng ứng viên nắm bắt thông tin và đánh giá cao Chương trình ngày càng nhiều nên số lượng dự tuyển ngày càng tăng.

- Số lượng ứng viên tham gia Chương trình vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra so với cả giai đoạn đến nay đã đạt 141,63% tổng thể của cả Chương trình giai đoạn 2011 – 2015.

2. Khó khăn, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Việc thực hiện quản lý Chương trình chưa được tổ chức thành bộ máy riêng, cán bộ phòng Quản lý Khoa học thuộc Sở Khoa học và Công nghệ phải thực hiện kiêm nhiệm nên triển khai ký hợp đồng, nghiệm thu học tập với học viên chậm tiến độ.

- Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II đạt 32% so với chỉ tiêu cả giai đoạn đề ra. Hàng năm Ban Chủ nhiệm Chương trình đều có báo cáo Tỉnh ủy và UBND tỉnh thực trạng này và Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã có chỉ đạo nhưng tình hình không có chuyển biến. Nguyên nhân là ngành y tế không có nhân lực đăng ký học trình độ chuyên khoa 2, nguồn đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ của chuyên khoa 1 đang trong quá trình học tập chưa tốt nghiệp do đó chưa tiếp tục học tập để nâng cao trình độ của chuyên khoa 2. Số cán bộ trẻ mới ra trường đại học không theo học chuyên khoa mà thi thẳng vào trình độ thạc sĩ, tiến sĩ.

- Số lượng đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài chưa cao do học viên không đạt chuẩn ngoại ngữ.

- Kết quả thực hiện Chương trình đào tạo sau đại học tuy còn một số hạn chế nhưng so với giai đoạn 2006 – 2010 đã tạo được sự đột phá về số lượng và nâng

cao một bước chất lượng và hiệu quả đào tạo phục vụ yêu cầu CNH, HĐH nền kinh tế tỉnh nhà.

PHẦN II

PHƯƠNG HƯỚNG, KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC SAU ĐẠI HỌC NĂM 2015

I. PHƯƠNG HƯỚNG – MỤC TIÊU

Tập trung đào tạo đội ngũ tiến sĩ, thạc sĩ và tạo nguồn tại nước ngoài, giỏi về trình độ chuyên môn và hình thành đội ngũ chuyên gia giỏi đầu ngành ở các lĩnh vực mũi nhọn mà nhu cầu của tỉnh còn thiếu: công nghệ sinh học, tin học, viễn thông, y tế, vật liệu mới. Đồng thời mở rộng và liên kết với các đối tác có uy tín về chất lượng đào tạo ở nước ngoài. Nhằm đảm bảo, đáp ứng các yêu cầu về các chỉ tiêu đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của tỉnh theo tinh thần Nghị Quyết số 51/2005/NQ-HĐND ngày 21/7/2005 của HĐND tỉnh về phát triển nguồn nhân lực phục vụ kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2006- 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 21/09/2011 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Chương trình tổng thể đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015 và Kế hoạch số 4154/KH-UBND ngày 11/06/2012 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Chương trình tổng thể Đào tạo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011-2015.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

Nhiệm vụ chung là tập trung đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao ở các ngành mũi nhọn, then chốt mà tỉnh định hướng và có nhu cầu nhằm bổ sung nguồn nhân lực còn thiếu trong hệ thống chính trị, xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi về chuyên môn trong các ngành, các cấp của tỉnh đồng thời đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong xu thế hội nhập với nền kinh tế thế giới.

Đào tạo nguồn nhân lực giỏi về trình độ chuyên môn đồng thời được tiếp cận với thực tế để rèn luyện những kỹ năng trong công tác nhằm vận dụng tốt những kiến thức lĩnh hội trong quá trình được đào tạo.

Tuyên truyền phổ biến rộng rãi chính sách ưu đãi của tỉnh để thu hút nhân tài về phục vụ cho địa phương và đặc biệt là để củng cố tình cảm, niềm tin, gắn bó với quê hương đất nước, với địa phương.

Bậc học	Ước thực hiện 2015	Lũy kế ước thực hiện 2011-2015	Ước TH2011-2015/ KH2011-2015
- Thạc sĩ:	120	1126	179%
+ Trong nước	100	1054	182%
+ Liên kết,	15	55	183%
+ Nước ngoài	5	17	85%
- Tiến sĩ	15	109	389%
+ Trong nước	10	39	404%
+ Nước ngoài	5	16	320%
- Chuyên khoa 1	40	213	117%
- Chuyên khoa 2	10	33	45,8%
- Tạo nguồn	2	10	100%
Tổng số	187	1491	162%

III. GIẢI PHÁP

- Để đạt tỷ lệ đào tạo trình độ thạc sĩ ở nước ngoài và đào tạo nguồn đại học cần tiếp tục duy trì công tác tuyên truyền đến các em học sinh cấp 3 trên địa bàn tỉnh đã đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc gia để tìm hiểu tham gia chương trình.

- Có chính sách ưu tiên, đãi ngộ đối với các học viên đã hoàn thành tất cả chương trình đào tạo ở nước ngoài, cụ thể như: đối với sinh viên sau khi hoàn tất chương trình đại học ở nước ngoài có thể được học tiếp lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ và khi hoàn thành khoá học về công tác tại tỉnh nhà sẽ được bố trí công việc phù hợp. Đối với cán bộ đã hoàn tất chương trình đào tạo thạc sĩ ở nước ngoài thì sẽ được xếp vào diện quy hoạch, bổ nhiệm phù hợp năng lực và chuyên môn đào tạo.

- Cân đối giữa chỉ tiêu đào tạo trong nước và ngoài nước, giữa các ngành nghề để xây dựng kế hoạch cụ thể, đặc biệt là chủ động để đào tạo theo nhu cầu thực tế của tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch, chương trình định hướng để có biện pháp cụ thể thực hiện, tập trung vào các giải pháp nâng cao chất lượng (chất lượng đầu đầu vào, chất lượng đào tạo và hiệu quả công tác sau đào tạo), tránh việc chạy theo chỉ tiêu số lượng.

- Tăng cường việc tuyên truyền sâu rộng chủ trương khuyến học, khuyến tài của tỉnh để các đối tượng đủ điều kiện có thể tiếp cận và tham gia chương trình.

- Định hướng phân bổ, sử dụng hiệu quả nhân lực sau đào tạo, trong đó có sự kết hợp giữa chính sách đào tạo với thu hút, sử dụng và các chính sách đãi ngộ khác của tỉnh.

- Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc giới thiệu ứng cử viên tham gia chương trình.

- Tỷ lệ bác sĩ chuyên khoa 2 chưa đạt mục tiêu đề ra do nguồn đào tạo của đội ngũ bác sĩ chưa đi học để nâng cao trình độ. Vì thế, Ban chủ nhiệm Chương trình đào tạo sau đại học đã đề nghị Sở Y tế có kế hoạch khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ y bác sĩ tham gia chương trình đào tạo chuyên khoa 1 và chuyên khoa 2.

- Bên cạnh việc cử đi học từ nguồn kinh phí của chương trình, chủ động tìm kiếm các nguồn tài trợ, hỗ trợ từ trong và ngoài nước để đầu tư cho công tác đào tạo chuyên sâu cho CBCC của tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chương trình Đào tạo sau đại học năm 2014 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2015.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
 - Các thành viên Ban chủ nhiệm;
 - Các Phó giám đốc Sở;
 - Lưu: VT, QLK.
- QLK350_BC_CT2_4Nam_2
015\20b

**TM. BAN CHỦ NHIỆM
TRƯỞNG BAN**



**GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
Phạm Văn Sáng**